

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2019/DS-ST**
Ngày 18 - 6 - 2019
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Võ Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 03 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2019/QĐXX.ST ngày 07/05/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lý Thanh H, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Tổ 29, ấp BT, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 02, ấp KH, xã KA, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm VĐ 2, phường NS, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông H, bà N, ông L có mặt; ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng ông Lý Thanh H, bà Nguyễn Thị N với ông Bùi Văn L quen biết nhau do cùng tham gia hoạt động từ thiện.

Theo ông H, vào ngày 18/4/2017 ông L có đến nhà ông hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng nói để làm ăn; ngày 02/5/2017 ông L tiếp tục vay thêm 10.000.000 đồng; ngày

17/5/2017 ông L tiếp tục vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông H cho ông L vay là 35.000.000 đồng. Việc vay mượn không làm biên nhận, không có người chứng kiến, không thỏa thuận thời hạn trả. Khi vay có thỏa thuận lãi suất.

Ông H đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông L thanh toán nhưng ông L vẫn hứa hẹn, không hoàn trả mà cố tình tránh mặt. Ông H và bà N kiện yêu cầu ông L hoàn trả số tiền vay 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông L thừa nhận có nhận từ ông H tổng số tiền 35.000.000 đồng, nhận 02 lần trong năm 2016 (không nhớ rõ ngày, tháng), lần đầu nhận 15.000.000 đồng, lần sau nhận 20.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này là số tiền ông H hùn vốn làm ăn với ông L mua bán gỗ trầm bông vàng. Việc hùn vốn không lập thành văn bản, chỉ trao đổi bằng lời nói, lãi lỗ chia nhau. Đi mua gỗ ở Campuchia bị gạt lầy, số thua lỗ có cả phần tiền của ông H và phần của ông L 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ông L còn trình bày, ông H có nhờ ông L mua số đồ dùng gồm: 01 điện thoại di động Samsung, máy mới (không nhớ model) trị giá 2.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone (không nhớ model), máy mới trị giá 3.000.000 đồng, máy dầu NT75 trị giá 4.200.000 đồng và tiền vận chuyển là 1.000.000 đồng, bao đường cát Thái Lan trị giá 720.000 đồng và trước đó ông L có cho ông H mượn 2.000.000 đồng để ông H sửa xe (không nhớ rõ ngày tháng). Tổng số tiền ông L đã bỏ ra mua hàng và cho ông H mượn là 13.420.000 đồng.

Ông L không đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của ông H, ông cho rằng đây là số tiền hùn làm ăn, thua lỗ cùng chịu. Nếu ông H yêu cầu trả lại thì ông yêu cầu được khấu trừ phần tiền mà ông L đã bỏ ra mua đồ và cho ông H mượn.

Trong quá trình hòa giải, vợ chồng ông H, bà N đồng ý khấu trừ cho ông L phần tiền ông L đã bỏ ra mua đồ và cho ông H mượn là 13.420.000 đồng. Ông H, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay 21.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông L đồng ý và có yêu cầu khi nào ông làm ăn được thì ông sẽ trả số tiền này theo yêu cầu của ông H.

Ngày 02/5/2019, ông L gửi Bản tự khai bổ sung cho rằng ông có thuê xe 16 chỗ của ông Nguyễn Văn V sang tỉnh Sim Rệp, Campuchia mua gỗ trầm bông vàng. Sau khi thu gom số cây mua được đã bị lính Campuchia bắt tịch thu, lỗ hết vốn. Vụ việc này ông có báo lại cho ông H, nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H, bà N.

Về chứng cứ:

Ông Lý Thanh H, bà Nguyễn Thị N giao nộp:

- Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Lý Thanh H;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Thanh H và Nguyễn Thị N;
- Bản photo Biên bản hòa giải ngày 26/02/2019 của Ban ấp KH, xã KA, huyện An Phú;
- Bản chính Bản tự khai ngày 27/02/2019.

Các tài liệu chứng cứ do ông Bùi Văn L giao nộp: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn L; Bản tự khai ngày 05/4/2019; Bản tự khai ngày 02/5/2019; Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn V.

Tòa án tiến hành cho đối chất, ông L không tham gia đối chất; Thông báo cho ông L giao nộp chứng cứ chứng minh việc hùn vốn.

Tại phiên tòa,

Ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Bùi Văn L trả số tiền 21.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông L xác định năm 2017 ông có nhận từ ông H 02 lần tổng số tiền 35.000.000 đồng. Lần đầu nhận 20.000.000 đồng, lần sau nhận 15.000.000 đồng. Số tiền này ông H hùn với ông để ông đi Campuchia mua gỗ trầm bông vàng về bán lại. Do bị bắt thua lỗ và bản thân ông cũng lỗ 50.000.000 đồng, nên ông L không đồng trả tiền vay theo yêu cầu của vợ chồng ông H.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp pH thay đổi.

Về nội dung: Xác định ông L có nhận từ ông H, bà N tổng số tiền 35.000.000 đồng. Các đương sự đã tự khấu trừ tiền nhờ mua hàng và tiền vay 13.420.000 đồng. Ông H, bà N rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu trả 21.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn. Theo ông H, bà N thì đây là số tiền ông L vay nhưng theo ông L thì đây là số tiền hùn vốn kinh doanh mua bán gỗ. Tuy nhiên, ông L không chứng minh được đây là số tiền hùn vốn, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H, bà N, buộc ông L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 21.580.000 đồng cho ông H và bà N..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị N kiện yêu cầu ông Bùi Văn L trả tiền vay, xác định ông H, bà N là đồng nguyên đơn; ông L là bị đơn. Ông L xác định việc ông mua bán gỗ ở Campuchia bị bắt thua lỗ có ông Nguyễn Văn V biết; ông V có xác nhận ông V có cho ông L thuê xe và biết việc mua bán gỗ, nên đưa ông V tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V vắng mặt, tuy nhiên ông V đã có lời khai và ông L cũng đồng ý xét xử vắng mặt người làm chứng, nên tiến hành xét xử vắng mặt ông V là phù hợp quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trong đơn khởi kiện, ông H và bà N kiện yêu cầu ông L trả tiền vay 35.000.000 đồng. Ông L phản bác và cho rằng số tiền trên là ông H hùn vốn mua bán gỗ trầm bông vàng với ông chứ không pH tiền vay. Do bị lừa gạt bị bắt lỗ hết nên không đồng ý thanh toán lại cho ông H. Xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, là tranh chấp dân sự. Ông L cư trú xã Khánh An, huyện An Phú, căn cứ các điều 29, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[3] Về phạm vi kiện: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, hai bên thống nhất khấu trừ số tiền ông L mua điện thoại, máy nổ, tiền cho mượn 13.420.000 đồng. Ông H, bà N rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L thanh toán hợp đồng vay 21.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi

cho bị đơn, phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Như vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp hướng dẫn tại Mục IV, Điều 7 Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Phạm vi giải quyết còn lại là việc ông H, bà N yêu cầu ông L trả tiền vay 21.580.000 đồng.

[4] Xét nội dung tranh chấp:

[4.1] Các bên thống nhất số tiền tranh chấp là 21.580.000 đồng, vấn đề cần xác định số tiền này là tiền vay theo trình bày của ông H, bà N hay tiền hùn vốn theo trình bày của ông L.

[4.2] Về trình bày của ông H và bà N: Trước sau đều xác định đây là số tiền ông L nhận vay năm 2017 nói để làm ăn.

Về trình bày của ông L: Tại Biên bản hòa giải ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An (BL 04), thì ông L chỉ khai số tiền này là tiền hùn làm ăn, không nói làm ăn việc gì. Tại Biên bản hòa giải ngày 29/03/2019 tại Tòa án (BL 15, 16) thì ông L khai “tôi không đồng ý trả cho ông H, bà N số tiền 35.000.000 đồng. Trường hợp ông H vẫn yêu cầu tôi pH trả tiền thì tôi có yêu cầu ông H hoàn trả cho tôi số tiền đã mua đồ dùng là 13.420.000 đồng. Khấu trừ số tiền này vào số tiền hùn hạp, còn lại 21.580.000 đồng thì khi nào tôi làm ăn được tôi sẽ đưa dần cho ông H, bà N”. Cũng tại Biên bản hòa giải ngày 29/03/2019 ông L khai “Chúng tôi thỏa thuận hùn tiền để tôi đi mua cây trầm bông vàng về An Phú bán lại lấy lời”. Nhưng tại Bản tự khai ngày 02/05/2019 thì ông L khai “Tôi trực tiếp đến trại cây của ông Sáu Mãi ở ngã ba Hồng Châu, Hóc Môn, TPHCM hỏi giá cây trầm bông vàng mua vào...”. Tại Biên bản hòa giải, Biên bản ghi lời khai cùng ngày 29/03/2019 thì ông L xác định: Năm 2016 ông có nhận tiền từ ông H 02 lần, lần đầu 15.000.000 đồng, lần sau 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa thì ông xác định: Năm 2017 ông có nhận từ ông H 02 lần, lần đầu 20.000.000 đồng, lần sau 15.000.000 đồng; tại Bản tự khai thì khai “Từ năm 2017 đến nay tôi lo làm từ thiện, bó thuốc nam trị bệnh”. Ngoài ra, ông L còn xác định từ trước đến nay ông không từng mua bán và lần đi mua bán gỗ trầm bông vàng hùn với ông H là lần đầu tiên. Từ đó cho thấy trong các lời khai của ông L đã có nhiều mâu thuẫn. Tòa án triệu tập đối chất thì ông L cũng không tham gia. Chứng cứ mà ông L cung cấp duy nhất là Bản xác nhận (lời khai) của ông Nguyễn Văn V. Tuy nhiên ông V cũng chỉ xác nhận năm 2016 ông L có thuê xe 16 chỗ của ông 01 tháng 6.000.000 đồng đi tỉnh Sim Rệp, Campuchia mua cây trầm bông vàng, chứ không biết gì về việc ông L và ông H có hùn vốn hay không. Trong khi việc giao nhận tiền là năm 2017 đã được các bên xác nhận tại phiên tòa, còn ông V xác nhận việc thuê xe là năm 2016. Như vậy, xác nhận của ông V cũng không có cơ sở gì chứng minh cho việc ông H có hùn vốn với ông L mua bán gỗ trầm bông vàng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định trình bày của ông L về việc số tiền ông L nhận từ ông H là tiền hùn vốn là không có căn cứ. Ngược lại, có căn cứ xác định đây là số tiền ông L nhận vay từ vợ chồng ông H và bà N, nên chấp nhận yêu cầu của ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị N, buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông H, bà N số tiền 21.580.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Bùi Văn L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà N.

Về chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 217, 218 và các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1/. Buộc ông Bùi Văn L có trách nhiệm trả cho ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị N 21.580.000 (*Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông H và bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông L không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 13.420.000 (*mười ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng.

3/. Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Bùi Văn L pH chịu 1.099.000 (*Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 (*Tám trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2016/0011146 ngày 05/03/2019.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4/. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt các đương sự. Ông Lý Thanh H, bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/06/2019).

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu